

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 26/TTr-SXD ngày 15/02/2023 kèm theo Báo cáo số 47/BC-SXD ngày 15/02/2023; UBND huyện Sơn Động tại Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 13/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000), với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch.

a) Vị trí, phạm vi nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch:

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Sơn Động gồm 2 thị trấn và 15 xã trừ một phần diện tích thuộc xã Phúc Sơn (thuộc Trường bản Quốc gia TB1); ranh giới lập quy hoạch được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp Trường bản Quốc gia TB1 và huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Phía Nam: Giáp thành phố Uông Bí và thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
- Phía Đông: Giáp xã Tân Dân, thành phố Hạ Long và huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh; huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Phía Tây: Giáp huyện Lục Ngạn và huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

b) Quy mô:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng 784,62 km²;
- Quy mô dân số hiện trạng khoảng 78.682 người; dự báo đến năm 2030 khoảng 87.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 26.100 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 30%; đến năm 2040 khoảng 97.500 người, trong đó dân số đô thị khoảng 39.000 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 40%.

2. Quan điểm, mục tiêu.

- Cụ thể hóa mục tiêu theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022;

- Khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, các thế mạnh kinh tế, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị và nông thôn;

- Đáp ứng các tiêu chí huyện nông thôn mới phục vụ chương trình mục tiêu nông thôn mới quốc gia và các kế hoạch phát triển nông thôn toàn tỉnh;

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị và nông thôn trong huyện;

- Cung cấp thông tin, cơ sở pháp lý cho việc thu hút đầu tư trên địa bàn huyện.

3. Tính chất, chức năng, vai trò.

- Là cửa ngõ phía Đông của tỉnh Bắc Giang, phát triển kinh tế với các lợi thế, thế mạnh của huyện về nông, lâm nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch tâm linh sinh thái;

- Là vị trí trung gian quan trọng kết nối giữa trung tâm phát triển kinh tế của tỉnh Bắc Giang với tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Lạng Sơn.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu.

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính:

TT	Hạng mục	Đến năm 2030	Đến năm 2040
I	Đất xây dựng đô thị		
	- Đất dân dụng bình quân toàn đô thị	70 - 100m ² /người	70 - 100m ² /người
	- Đất đơn vị ở đô thị	35 - 50m ² /người	35 - 50m ² /người
	- Đất công trình công cộng đô thị	≥5m ² /người	≥5m ² /người
	- Đất cây xanh đô thị	≥4m ² /người	≥4m ² /người
II	Các chỉ tiêu HTKT		
	- Chỉ tiêu cấp điện:		
	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	400w/người cho đô thị 200w/người cho khu vực nông thôn	1000w/người cho đô thị 500w/người cho khu vực nông thôn
	Chỉ tiêu cấp điện công cộng	30% chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	30% chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt
	Chỉ tiêu cấp điện công nghiệp	50 - 350kW/ha	50 - 350kW/ha
	- Cấp nước:	120l/người/ng.đ cho đô thị; 80l/người/ng.đ cho khu vực nông thôn; Chỉ tiêu cấp 100% dân	150l/người/ng.đ cho đô thị; 100l/người/ng.đ cho khu vực nông thôn; Chỉ tiêu cấp 100% dân
	- Thoát nước bản, vệ sinh môi trường:		
	+ Thoát nước	≥80% tiêu chuẩn cấp nước	≥80% tiêu chuẩn cấp nước
	+ Rác thải	0,9kg/người/ngày; Tỷ lệ thu ≥90%	0,9kg/người/ngày; Tỷ lệ thu ≥90%
	+ Nghĩa trang	0,04ha/1000 người	0,04ha/1000 người

5. Yêu cầu và nội dung lập quy hoạch.

a) Các yêu cầu về thu thập số liệu, đánh giá hiện trạng:

- Đánh giá điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, dân số và lao động; đất đai; Hiện trạng phát triển cụm, điểm công nghiệp, làng nghề,

vùng sản xuất nông lâm nghiệp, công trình công cộng, dịch vụ thương mại, cơ sở y tế, giáo dục.... Những tác động của mối liên hệ vùng đến thực trạng phát triển kinh tế - xã hội - hạ tầng kỹ thuật đối với toàn huyện Sơn Động.

- Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng bao gồm: Cao độ nền và thoát nước mưa; công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai; hiện trạng về mạng lưới giao thông, công trình và các loại hình giao thông...; Nguồn cấp nước, công trình đầu mối, mạng lưới cấp nước, chất lượng, khả năng cung cấp...; Nguồn cung cấp điện, vị trí trạm biến áp, khả năng cung cấp, chất lượng mạng lưới cấp điện...; Hiện trạng mạng lưới thông tin liên lạc; Hệ thống thoát nước thải, khả năng đáp ứng khi đô thị phát triển, thoát nước thải khu vực nông thôn ...; Hiện trạng thu gom chất thải rắn, vị trí bãi chôn lấp, khả năng thu gom; Khu vực nghĩa trang mức độ gần khu dân cư và ô nhiễm môi trường... cho các khu vực đô thị và nông thôn.

- Đánh giá các ưu điểm, các vấn đề tồn tại liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật cần giải quyết trong quy hoạch vùng. Đánh giá mối liên hệ về hiện trạng với mạng lưới hạ tầng kỹ thuật chính, các công trình đầu mối cấp vùng, cấp đô thị.

- Đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên (nước, không khí, đất, hệ sinh thái,...) và môi trường xã hội; Những vấn đề về môi trường và những vùng dễ bị tác động bởi biến đổi khí hậu.

- Rà soát các dự án, chương trình đang triển khai về tính hiệu quả và sự phù hợp với mục tiêu và tầm nhìn đã đặt ra khi triển khai trên địa bàn huyện.

- Thu thập các tài liệu, số liệu, các dự án có liên quan và đánh giá thực trạng về điều kiện tự nhiên, hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân cư; quỹ đất xây dựng: tình hình xây dựng của khu vực cũng như những tác động phát triển kinh tế - xã hội - hạ tầng kỹ thuật của vùng phụ cận để từ đó đưa ra phương án tổ chức không gian cho huyện Sơn Động hợp lý.

b) Cơ sở và phương pháp xác định tạo động lực phát triển huyện Lục Ngạn:

- Hoạt động của trung tâm hành chính huyện Sơn Động trong tương lai, dịch vụ thương mại, dịch vụ công – nông nghiệp cho huyện Sơn Động.

- Các khu, điểm du lịch, văn hóa lễ hội; khu vui chơi giải trí, hoạt động văn hóa thể thao...;

- Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thương mại – dịch vụ, khám chữa bệnh...;

- Duy trì và đẩy mạnh công nghiệp, nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao phục vụ nội tỉnh và vùng phụ cận.

c) Yêu cầu định hướng phát triển không gian vùng:

- Các phân vùng trong đồ án quy hoạch phải được đề xuất dựa trên các đặc trưng về cảnh quan thiên nhiên, đặc điểm kinh tế, xã hội, môi trường và sinh thái vùng.

- Phân vùng phải lồng ghép với các giải pháp kiểm soát quản lý theo các mức độ: khu vực ưu tiên cho xây dựng (đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp...), khu vực hạn chế xây dựng (nông, lâm nghiệp, bảo tồn, cảnh quan tự nhiên), khu vực cấm xây dựng (vùng cách ly, an toàn, bảo vệ các di sản, di tích,...).

- Hệ thống các đô thị trong vùng phải đảm bảo có khả năng phát triển, mở rộng, thỏa mãn các yêu cầu về môi trường, an toàn cho định cư. Đô thị phải liên kết thuận lợi với các đô thị khác và với các vùng nông thôn.

- Hệ thống điểm dân cư nông thôn trong vùng phải phù hợp với điều kiện tự nhiên, ngành nghề sản xuất, hình thái định cư theo đặc trưng từng vùng miền và đảm bảo các yêu cầu về phòng, chống thiên tai.

- Các khu công nghiệp phải được quy hoạch dựa trên tiềm năng, lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội; tiết kiệm quỹ đất, ưu tiên sử dụng đất hoang hóa, hạn chế chuyển đổi đất nông nghiệp; không gây ô nhiễm đến các vùng lân cận.

- Các vùng bảo vệ di sản, cảnh quan thiên nhiên phải đảm bảo gìn giữ được tính toàn vẹn các giá trị đặc trưng của tài nguyên, phát huy được tiềm năng để phát triển kinh tế và thuận lợi trong quản lý, bảo vệ.

- Hệ thống hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại, dịch vụ,...) và hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải đảm bảo mọi người dân trong vùng (dân cư đô thị và nông thôn) đều được sử dụng thuận lợi và dễ dàng tiếp cận.

- Hệ thống đô thị, nông thôn: Phát triển hệ thống đô thị gồm: Thị trấn An Châu, thị trấn Tây Yên Tử. Phát triển hệ thống đô thị, phân loại đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, mô hình phát triển, chức năng và quy mô các đô thị như sau:

+ Phát triển trung tâm hành chính tổng hợp (trung tâm chính).

+ Phát triển trung tâm kinh tế, chuyên ngành (trung tâm phụ).

+ Phát triển các khu đô thị mới, khu dân cư mới. Phát triển hệ thống khu dân cư nông thôn phù hợp yêu cầu phát triển nông thôn mới, hạn chế tối đa việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp nhằm đảm bảo an ninh lương thực và tiết kiệm đất đai.

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng, trong đó, xây dựng phương án phát triển theo các mô hình:

+ Mô hình 1: Đa cực tập trung với đô thị hành chính huyện là thị trấn An Châu và vùng phụ cận đóng vai trò là cực động lực chủ đạo; khu vực thị trấn Tây Yên Tử đóng vai trò là các cực động lực hỗ trợ.

+ Mô hình 2: Phát triển đồng đều trên cơ sở thúc đẩy các trục hành lang kinh tế - đô thị phát triển gắn với các trung tâm đô thị trên địa bàn toàn huyện và các thành phố lớn xung quanh huyện.

- Các khu chức năng:

+ Phát triển các khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- + Phát triển mạng lưới trung tâm dịch vụ thương mại.
- + Phát triển mạng lưới dịch vụ sản xuất nông nghiệp.
- + Phát triển mạng lưới dịch vụ du lịch.

d) Đề xuất định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông:

+ Trên cơ sở nghiên cứu hiện trạng mạng lưới giao thông, nghiên cứu các dự án giao thông quốc gia tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện như QL31, QL279, ĐT293, ĐT291, Đèo Kiếm (ĐT293D), ĐT293 kéo dài theo quy hoạch từ đèo Hạ Mỹ đi Quảng Ninh, ĐT 291C theo quy hoạch,... Phân tích nhu cầu sử dụng giao thông, khả năng kết nối giao thông giữa các tuyến đường quốc gia, đường tỉnh với huyện Sơn Động trong tương lai... từ đó đưa ra mô hình phát triển mạng lưới giao thông cho toàn huyện.

+ Tiếp tục hoàn thiện các tuyến đường tránh qua nội thị các đô thị của huyện. Nâng cấp, cải tạo và mở rộng các tuyến đường hiện có đảm bảo kết nối với tuyến giao thông đối ngoại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội của khu vực và tuân thủ theo quy hoạch phát triển giao thông toàn tỉnh.

+ Đề xuất mô hình giao thông khu vực phù hợp với cấu trúc huyện. Tổ chức, kết nối giao thông giữa khu vực thị trấn với các điểm dân cư nông thôn trong huyện, các trung tâm chuyên ngành và các vùng lân cận.

+ Phân loại, phân cấp các tuyến giao thông đô thị - nông thôn. Xác định vị trí quy mô, số lượng các công trình giao thông như bến xe, bãi đỗ xe, cầu cống đường bộ... Thiết kế mặt cắt ngang các loại đường cải tạo, xây dựng mới; xác định hệ thống chỉ tiêu kinh tế về quỹ đất giao thông và các chỉ tiêu kỹ thuật về tuyến đường áp dụng.

- Chuẩn bị kỹ thuật:

+ Đánh giá, xác định các loại đất theo điều kiện tự nhiên và xác định cao độ xây dựng khống chế cho từng khu vực; xác định khu vực bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên giữ được bản sắc địa hình của vùng.

+ Đề xuất các giải pháp thiết kế san nền cho khu vực phát triển đô thị nông thôn; các lưu vực thoát nước mặt chính ra sông, hồ và hệ thống công thoát nước mặt chính.

+ Đề xuất các giải pháp phòng tránh các thiên tai, các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát lũ, phát triển hệ thống thủy lợi đầu mối, đê, đập,..., cung cấp nước cho nông nghiệp và tránh tình trạng ngập úng tại các khu vực xây dựng hiện hữu.

- Cấp nước:

+ Đánh giá trữ lượng và chất lượng nguồn nước mặt và nước ngầm trong địa bàn huyện. Xác định nguồn nước sử dụng cho các giai đoạn phát triển, xác định tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước cho khu vực các đô thị và các xã dân cư nông thôn.

+ Xác định vị trí, quy mô, công suất khai thác các công trình đầu mối cấp nước; Mạng lưới đường ống cấp nước,... Tính toán cải tạo mở rộng, xây mới nhà máy nước để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho huyện theo các giai đoạn phát triển. Đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn nước, phạm vi bảo vệ nguồn nước và nhà máy nước.

- Cấp điện:

+ Xác định chỉ tiêu cấp điện đối với các loại phụ tải khu vực các đô thị huyện Sơn Động, các khu vực phát triển mới và các điểm dân cư nông thôn.

+ Dự báo nhu cầu sử dụng điện trên cơ sở số liệu kinh tế huyện Sơn Động, từ đó đưa ra các giải pháp về nguồn điện, mạng lưới cấp điện phù hợp với sự phát triển của khu vực.

+ Cân đối nhu cầu tiêu thụ điện với khả năng cung cấp nguồn các giai đoạn quy hoạch. Đề xuất các giải pháp, dự kiến các công trình đầu mối cấp điện, tổ chức mạng lưới đường dây và các trạm biến áp cho từng giai đoạn quy hoạch khu vực đô thị - nông thôn trên phạm vi huyện Sơn Động.

- Thông tin liên lạc:

+ Quy hoạch hệ thống Thông tin liên lạc và dự báo về tổng dung lượng thuê bao.

+ Cập nhật rà soát các dự án cải tạo xây dựng mạng lưới thông tin liên lạc đã lập trên địa bàn huyện, mối liên hệ với các khu vực lân cận.

- Thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang:

+ Xác định chỉ tiêu thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang theo loại đô thị và khu vực nông thôn.

- Dự báo khối lượng nước thải, chất thải rắn, nhu cầu đất nghĩa trang. - Các giải pháp lớn về lựa chọn hệ thống thoát nước thải đô thị, các khu chức năng lớn.

+ Tổ chức thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn.

+ Quy mô khu xử lý nước thải, khu liên hợp xử lý chất thải rắn, công nghệ xử lý...

+ Địa điểm quy mô xây dựng các nghĩa trang.

e) Đánh giá môi trường chiến lược

- Dự báo, đánh giá các diễn biến môi trường, các tác động tích cực, tiêu cực đối với môi trường của phương án quy hoạch đối với các khu vực phát triển (đô thị, nông thôn, các khu vực khai thác tài nguyên, các khu vực bảo tồn,...) và vùng lân cận. Đề xuất giải pháp phát huy các mặt tích cực và hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường các khu vực trên toàn huyện;

- Đề xuất biện pháp quản lý, giám sát môi trường;

- Lập đánh giá môi trường chiến lược nhằm đưa ra những quyết định mang tính chiến lược về bố trí các khu vực chức năng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và bảo vệ được các vùng cảnh quan hiện có;

- Kết luận, kiến nghị về môi trường để đảm bảo phát triển bền vững.

6. Đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư phát triển và nguồn vốn thực hiện

- Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư chủ yếu có ý nghĩa tạo động lực phát triển về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội và bảo vệ môi trường phù hợp với nguồn lực;

- Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: vị trí khu vực công cộng, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hóa các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên.

7. Quy định quản lý

Theo Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

8. Thành phần và nội dung hồ sơ đồ án

Thành phần hồ sơ đồ án tuân thủ theo Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

9. Tổ chức thực hiện, kế hoạch thực hiện

a) Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Bắc Giang;
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Bắc Giang;
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Sơn Động;

b) Kế hoạch thực hiện:

Thời gian hoàn thành hồ sơ tối đa là: 12 tháng, kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

c) Nguồn vốn và kinh phí:

- Nguồn vốn thực hiện: Vốn ngân sách huyện năm 2023 – 2024.
- Kinh phí thực hiện khoảng: **2.947.990.000 đồng** (Hai tỷ, chín trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Điều 2. UBND huyện Sơn Động có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Sơn Động và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích